

Theo các sách của Đảng Cộng Sản, ngày 11-11-1945 Hồ Chí Minh gọi i tán Đảng Cộng Sản Đông Dương, ngày 3-9-1969 Hồ Chí Minh viết chủ tịch Mác-Lê.

Ngày nay sẽ thuyết lịch sử cho biết Đảng Cộng Sản Đông Dương không gọi i tán năm 1945 và Hồ Chí Minh đã viết chủ tịch Mác- Lê từ ngày hôm trước 2 tháng 9, 1969.

Cũng trong ngày 2 tháng 9, 1945 Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập.

Thế ra Việt Nam chưa được độc lập năm 1945. Chủ tịch công pháp quốc tế, Việt Nam đã thỏa hiệp quyên độc lập do Hiệp ước Elysee ngày 8 tháng 3, 1949. Cũng trong năm này, 11 quốc gia khác tại Á Châu đã giành được độc lập bằng đường lối chính trị và ngoại giao, không bạo động, không vũ trang và nhất là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Tháng hai năm 2000, nhà cầm quyền Hà Nội đã tổ chức mừng thọ 100 năm thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Trong dịp này họ vì nể nể thành quả mà họ đã đạt được trong nửa thế kỷ qua và tổ ban cho mình tổ chức và tính chính thống để quyên lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau.

Got biết thành kiến và mối lý luận tuyên truyền, chúng tôi chỉ cần căn cứ vào những tài liệu lịch sử và những văn kiện pháp lý để đưa ra những nhận định sau đây liên quan đến chủ trương độc lập của Đảng Cộng Sản. **NHẬN ĐỊNH VỀ ĐẢNG LÃI ĐU TRANH.**

a) Trong công cuộc giải phóng dân tộc, Đảng Cộng Sản chỉ trương đấu tranh vũ trang, bạo động, và ngoại giao và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trên bình diện dân tộc đây là một sai lầm chí tử lúc khởi đầu cho 3 triệu thanh niên nam nữ thuộc 3 thế hệ đã phải hy sinh xương máu trong 3 cuộc Chiến Tranh Đông Dương:

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất chống Pháp trong 8 năm (1946-1954)

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Hai chống Thứ Giỏi Dân Chủ (Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ và Đảng Minh) trong 20 năm (1955-1975) và

Chiến Tranh Đông Dông Th Ba t chng ln nhau trong 10 năm, chiến tranh Miên Vi t ch kt thúc năm 1989 do s can thi p c a Liên Hi p Qu c.

b) Trong s 14 ncc thu c đ a, b o h và giám h t i Á Châu, ch có 3 ncc Đông Dông ng d i quy n lãnh đ o c a Đ ng C ng S n Đông Dông ng là đã đ u tranh vũ trang, b o đ ng, v ng ng ai và liên kt v i Qu c T C ng S n. Trái l i, t t c 11 qu c gia khác đã đ u tranh công khai, ôn hòa, h p pháp, không b o đ ng, không v ng ng ai và nh t là không liên kt v i Qu c T C ng S n.

H n n a trong khi Đ ng C ng S n Đông Dông đ ng vào hàng ngũ Qu c T C ng S n đ đ u tranh vũ trang nh m l t đ các đ qu c t b n Tây Ph ng, thì các đ ng qu c gia t i Á Châu ch tr ng h p tác và th ng ngh v i đ qu c cũ đ giành t tr trong giai đ n đ u và đ c l p trong giai đ n sau. Cũng vì v y h đã t t ki m đ c nhi u hy sinh x ng máu và th i gian giành đ c l p đã đ c rút ng n r t nhi u, t 1 đ n 4 năm sau Th Chiến II, thay vì 30 năm nh tr ng h p Vi t Nam.

c) T 1946 đ n 1949 t t c các đ qu c Tây Ph ng nh M , Pháp, Anh và Hà Lan đã ln ln t t gi i th đ tr đ c l p cho 12 thu c đ a Á Châu:

Đ c l p năm 1946: Phi Lu t Tân thu c Hoa K , Syrie và Liban thu c Pháp.

Đ c l p năm 1947: n Đ và Đ i H i thu c Anh.

Đ c l p năm 1948: Mi n Đ i n, Tích Lan và Palestine thu c Anh. (Qu c gia Do Thái đ u c thành l p).

Đ c l p năm 1949: Vi t Nam, Ai Lao, Cao Miên thu c Pháp, Nam Dông ng thu c Hà Lan. (1)

d) Năm 1919 t i H i Qu c Liên (t ch c t n thân c a Liên Hi p Qu c), T ng Th ng Hoa K Woodrow Wilson đ x ng quy n Dân T c T Quy t đ khuy n cáo các Đ Qu c Tây

Phân công thành lập các cơ quan và các cơ quan cho các thuộc địa Á Phi. Đó là trào lưu tiến hóa tất yếu của lịch sử là sự giải phóng dân tộc của các thuộc địa Tây Phương. Trào lưu này được thể hiện năm 1935 khi Hoa Kỳ trả tự do cho Phi Luật Tân, và năm 1936 khi Pháp trả tự do cho Syrie và Liban.

Như vậy lịch sử chứng minh rằng tại Á Châu, đấu tranh không bạo động, không bạo động ngoại và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản là đường lối khôn ngoan và hữu hiệu nhất để giành tự do và độc lập cho quốc gia. Ngược lại, đấu tranh vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ các thuộc địa Tây Phương là một sai lầm chí tử.

Đây không phải là chiến tranh giành độc lập mà là chiến tranh ý thức hệ giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thuyết Giải Dân Chủ

. Kinh nghiệm dân gian cảnh giác rằng trâu bò húc nhau là ruồi muỗi chết! 3 triệu thanh niên nam nữ tại Triều Tiên, 3 triệu tại Việt Nam, 2 triệu tại Miên Lào và 1 triệu tại A Phú Hãn. Nhân dân này đã hy sinh thân mình, không phải để giành độc lập cho quốc gia, mà để cho Đảng Cộng Sản có cơ hội cướp chính quyền.

NHÂN DÂN VÀ CUỘC ĐUA TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP.

a) Trung thành với chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đảng Cộng Sản Đông Dương phải đem chủ nghĩa dân tộc (2). *Hãy không quên rằng đấu tranh giành độc lập vì quốc gia dân tộc và không quan niệm độc lập quốc gia như một câu chuyện hời hợt, một mục tiêu chỉ nhằm tranh thủ vài bất cập giá nào, vài bất cập hy sinh nào, kể cả việc hy sinh những quy định riêng của đường lối.*

Lịch sử đã chứng minh rằng Đảng Cộng Sản chỉ sẽ đem cuộc đấu tranh giành độc lập như một chiêu bài, một chiến thuật hay một phương tiện để đạt được *mục tiêu của chủ nghĩa là cướp Chính Quyền*. Họ đã chứng minh và phá hoại bất cứ giải pháp độc lập nào không cho họ được quyền lãnh đạo quốc gia.

b) Ngày 27-3-1947 Hội Đồng Chính Phủ Ramadier và Hội Đồng các Chính Phủ Pháp (lãnh đạo Quốc Hội và gộp các Đảng Xã Hội và Đảng Cộng Sản) công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam. Theo Quyết Nghị này Pháp không chấp nhận tái lập thuộc địa tại Á Châu. Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất (ba miền cùng chung một lịch sử, một chế độ, một văn hóa và một ngôn ngữ). (3)

Độc lập là cũng trong năm 1947, Pháp đã chính thức đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hợp Quốc. (4)

c) Chủ quyền độc lập của Việt Nam được thừa nhận bởi Hội Đồng Elysée ngày 8-3-1949 ký kết giữa Tổng Thống Pháp Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại. Ngày 6-6-1949 Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hội Đồng Elysée. Từ đó chi tiêu công pháp quốc tế Việt Nam được hoàn toàn độc lập, các hiệp ước ký với Pháp trong nửa đầu thế kỷ 19 đã bị bãi bỏ (5).

□□□□□□□□□□

Thời gian này năm 1949, Trung Cộng dùng võ trang thôn tính lực lượng Trung Hoa. Theo sách lược của Quốc Tế Cộng Sản, việc cộng sản hóa Trung Hoa mới đầu cho việc cộng sản hóa hai bán đảo Đông Dương và Triều Tiên. Trước nguy cơ này, các nhà lãnh đạo phe Thủ Giới Dân Chủ chống lại việc giao nộp Việt Nam trong hàng ngũ Thủ Giới Dân Chủ chống lại âm mưu thôn tính của phe Quốc Tế Cộng Sản.

Vì Việt Nam là một quốc gia liên kết với Pháp trong tổ chức Liên Hợp Pháp, giữa Việt Nam và Pháp có *nghĩa vụ an ninh hợp tác*. Nay Quốc Gia Việt Nam đang bị đe dọa về an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm), nên Pháp có nghĩa vụ phải mang quân (hay đưa quân) để bảo vệ biên thùy Việt Nam. Theo quy chế Liên Hợp Pháp biên thùy của Việt Nam là biên thùy của Liên Hợp Pháp và đồng thời cũng là biên thùy của Thủ Giới Dân Chủ.

d) Mục tiêu duy nhất của Đảng Cộng Sản đã phản ánh trong độc lập này. Họ tiếp tục chỉ định duy vũ trang để thực hiện quyên yêu nước, để quyên kháng chiến, để quyên thống nhất với Pháp, để quyên ký hiệp ước với Pháp và rồi để quyên lãnh đạo quốc gia.

Độc lập và quyền toàn dân tham gia kháng chiến, Đảng Cộng Sản tuyên truyền rằng Pháp đem quân trở lại Việt Nam để tái lập chế độ thực dân. Do đó họ phải chiến đấu vũ trang chống Pháp để giành lại độc lập cho quốc gia.

Đây là một luận điểm tuyên truyền xuyên tạc. Vì từ năm 1947 Hội Đồng Chính Phủ và Chính Phủ Pháp đã quyết định không tái lập chế độ thực dân tại Á Châu và tán thành nguyện vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Trước đó, năm 1946, Pháp đã trở lại cho Syrie và Liban. Và trong năm 1947 Pháp đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. Và năm 1949, bằng Hiệp Định Elysée, Tổng Thống và Quốc Hội Pháp đã chính thức thừa nhận chế độ quyền độc lập và thống nhất của Quốc Gia Việt Nam.□□□□□□□□□□

NHÂN ĐÂN NHỮNG CUỘC THƯỜNG NHẬT ĐÓNG NÓNG.

a) Năm 1975 Đảng Cộng Sản không có công thường nhật đóng góp. Vì theo quốc tịch công pháp, Quốc Gia Việt Nam đã độc lập và thống nhất từ năm 1949 chiếu Hiệp Định Élysée ngày 8-3-1949.

Ngày 23-4-1949, Quốc Hội Nam Kỳ biểu quyết giải tán chế độ Nam Kỳ Tự Trị để sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

b) Tuy nhiên Đảng Cộng Sản đã phá hoại nền độc lập này và đã phá hoại nền thống nhất này. Lý do là vì Hiệp Định Élysée không cho họ độc quyền lãnh đạo quốc gia. Do đó họ vẫn tiếp tục chiến đấu vũ trang và đã ký Hiệp Định Genève chia đôi đất nước để chấp chính quyền tại Miền Bắc năm 1954. Và rồi họ tiếp tục chiến đấu vũ trang để thôn tính Miền Nam năm 1975. Kể từ năm 1955, Đảng Cộng Sản tuyên truyền rằng Miền đã thay thế Pháp để thống trị Miền Nam. Do đó họ phải chiến đấu vũ trang chống Miền để giải phóng Miền Nam và thống nhất đất nước. Đây cũng là một luận điểm tuyên truyền xuyên tạc. Vì quân đội Miền chiến đấu tại Triều Tiên và Việt Nam không phải để thống trị hai quốc gia này mà để bảo vệ biên thùy của Thủ Giới Dân Chủ.

c) Tóm lại độc Việt Nam ông cha chúng ta đã đổ bao xương máu để tạo lập nên hội đồng thời kỳ 19. Sau này, vì hèn yếu và nhu nhược, chúng ta phải nhượng bộ Pháp 6 tỉnh Miền Nam. Năm 1949 đảng bảo Miền Nam đã hành sự quyền dân tộc tự quyết để thôn hời chế độ quyền lãnh thổ và

bị ép lại tể m b n đ t Nam Quan đ n Cà Mau. Tuy nhiên, b ng chi n tranh vũ trang, H Chí Minh đã c m tay xé đôi tể m b n đ năm 1954 đ c p chính quy n t i Mi n B c. Và r i, năm 1975, cũng b ng chi n tranh vũ trang, các đ ng chí c a ông ta đã c p chính quy n t i Mi n Nam. R i h i y bằng keo dán 2 m nh đ đ i và tuyên b r ng: "Đ ng C ng S n có công th ng nh t đ t n c!".

Chúng tôi đ a ra nh ng nh n đ nh này trên c ng v m t ng i nghiên c u s h c và lu t h c, ch không v i t cách m t cán b tuyên truy n cho m t ch thuy t hay m t ch đ chính tr nào.

Đ I CHI U CÁC PHONG TRÀO GI I PHÓNG DÂN T C T I Á CHÂU

Mu n có cái nhìn khách quan và trung th c, chúng ta hãy đ i chi u công cu c đ u tranh giành đ c l p t i Vi t Nam v i các phong trào gi i phóng dân t c khác t i Á Châu.

Sau Th Chí n II, trong s 14 n c thu c đ a, b o h và giám h t i Á Châu, ch có 3 n c Đông D ng đ i quy n lãnh đ o c a Đ ng C ng S n Đông D ng là đã đ u tranh vũ trang, b o đ ng, v ng ngo i và liên k t v i Qu c T Công S n. *Trái l i các đ ng qu c gia t i 11 n c Á Châu khác đã ch tr ng đ u tranh công khai, ôn hòa, h p pháp, không b o đ ng, không v ng ngo i và nh t là không liên k t v i Qu c T Công S n.*

M t năm sau Th Chí n II, t 1946 đ n 1949, t t c các đ qu c Tây Ph ng nh M , Pháp, Anh và Hà Lan đã l n l t t gi i th đ tr đ c l p cho 12 n c thu c đ a, b o h và giám h t i Á Châu.

1) 1946: Phi Lu t Tân đ c l p

Hoa K đi ti n phong trong cu c gi i phóng thu c đ a. Nguyên là m t c u thu c đ a, Hoa K có truy n th ng đ u tranh gi i phóng dân t c. Nhân dân Hoa K có c m tình v i nh ng phong trào đ u tranh giành đ c l p t i Á Phi.

Đầu thập niên 1930, Lu-ti S. Quezon, lãnh tụ Đảng Quốc gia Phi Luật Tân đến Hoa Thịnh Đốn và được Quốc hội Hoa Kỳ ban hành quy chế tự trị và đặc biệt cho Phi Luật Tân. Năm 1934 Quốc hội Hoa Kỳ biểu quyết thông qua Luật Tydings-McDuffie Act công nhận Phi Luật Tân là *một quốc gia tự trị (dominion) từ 1935*.

Trong đạo luật này có khoản quy định rằng, 10 năm sau, đúng Ngày Quốc Khánh Hoa Kỳ (4 tháng 7, 1945) Phi Luật Tân sẽ được hoàn toàn độc lập. Tuy nhiên thời ngày đó, Chiến Tranh Thái Bình Dương còn chưa kết thúc, nên Phi Luật Tân chỉ được tuyên bố độc lập ngày 4-7-1946 (trước một năm vì lý do chiến sự).

Trong thời chiến tranh, Lu-ti S. Quezon được mời tham gia Ủy Ban Chiến Tranh vùng Thái Bình Dương, và ngay khi phát cáo ông, Lu-ti S. Roxas hoạt động tình báo cho tướng McArthur. Khi hiểu được tranh chấp Đảng Quốc gia Phi Luật Tân là "*Độc lập do Hợp Tác*" (Independence through Cooperation).

2) 1946: Syrie và Liban độc lập.

Nếu Hoa Kỳ có quyền tham dự tranh giành phóng dân tộc, thì Pháp cũng là quốc gia có quyền tham dự Công Lý, Tự Do, Bình đẳng, Bác Ái trên bình nhứt trong lịch sử loài người.

Thời Syrie và Liban, lãnh đạo phong trào giành phóng dân tộc là Đảng Nhân Dân thời Syrie và Lu-ti S. Dabbas thời Liban. Dabbas đã từng du học tại Paris, nơi đây ông hay biết rằng, bên cạnh các đảng báo thù chế độ thực dân duy trì thuộc địa còn có *Đảng Xã Hội Pháp chế thực dân giành phóng lao động và giành phóng thuộc địa*.

Năm 1936 Mặt Trận Bình Dân nắm chính quyền, Thủ Tướng Xã Hội Léon Blum ký hiệp ước với Syrie và Liban để trả tự do cho 2 quốc gia này. Và 10 năm sau, năm 1946 quân đội Liên Hiệp Pháp rút lui để trả độc lập cho Syrie và Liban (Thời gian này tại Trung Đông chưa có nguy cơ xâm nhập của Liên Xô)..

Sau các Đệ Quốc Hoa Kỳ và Pháp, đệ nhất Đệ Quốc Anh bắt đầu tu gia nhập. Tại Thủ Chiếu II, Anh Quốc đã thành lập đệ nhất đệ quốc hùng mạnh nhất thế giới kim cương thế Bức Mờ qua Âu Châu, Phi Châu, Á Châu và Úc Châu. Người Anh thông tin hào nói: "Mặt trời không bao giờ lặn trên Đệ Quốc Anh". Tuy mà 2 năm sau Thủ Chiếu II, năm 1947, Đệ Quốc Anh bắt đầu tu gia nhập.

Năm 1947 Thủ Tướng Lao Động Clement Attlee trở về c lập cho n Đ và Đ i H i, và qua năm sau, 1948, trở về c lập cho Mi n Đ i n, Tích Lan và Palestine, m c đ u m i ph n kháng quy t li t c a Churchill, lãnh t Đ ng B o Th .

Với một dân số quá đông (gần 400 triệu, so với 20 triệu ở Việt Nam năm 1945), trong một xã hội lạc hậu, nghèo đói, thất học, với những mâu thuẫn trầm trọng về tôn giáo, chính trị, ngôn ngữ, chủng tộc và giai cấp, cuộc đấu tranh giữa 10 triệu khó khăn tại Việt Nam. Vậy mà 10 triệu đã giành được độc lập 2 năm sau Thế Chiến II, trong khi dân tộc ta đã phải hy sinh xương máu ròng rã trong suốt 30 năm.

Ngô là anh hùng dân tộc Miền Địch là Aung San (thân phụ bà Aung San Suu Kyi hiện lãnh đạo phong trào Dân Chủ tại Miền Địch). Cũng như Gandhi, Aung San tình nguyện hiến thân trong Quân Địch Hoàng Gia Anh. Cùng với U Nu, ông thành lập Liên Đoàn Nhân Dân Tự Do Chống

Phát Xít đã hợp tác với Đế Quốc Anh, chống Nhật...

Năm 1948 Miền Đông được trao trả độc lập.

Từ Tích Lan Hồi Pháp năm 1931 nên dưới thời gian tiếp sau thì trở là 15 năm. Với chủ trương *Thiện Chí và Hợp Tác* (Good Will and Cooperation), Đế quốc Gia Tích Lan đã giành được cả trở năm 1945 và độc lập năm 1948.

Từ Do Thái hai nhà lập quốc Ben Gourion và Moshe Dayan thuộc Đế quốc Lao Đế quốc cũng tình nguyện chi nên đưa trong Quân Đế quốc Minh trong hai trở nên chiến. Năm 1948 với sự yểm trợ của Hoa Kỳ, quốc gia Do Thái được thành lập dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Cũng trong năm này, Palestine thoát quyền giám hộ của Đế Quốc Anh.

5) 1949: Nam Dương được lập

Sau các Đế Quốc Mỹ, Pháp, Anh nên lập Đế Quốc Hà Lan thì giữa thì năm 1949. Phong trào giữa phóng dân tộc Nam Dương được phát động bởi giữa trí thức du học Hà Lan. Trong khi Đế quốc Cộng Sản theo sách lược bảo vệ động vũ trang thì *Đế quốc Gia Nam Dương chủ trương đi tranh ôn hòa bảo vệ động bảo vệ cạnh tân và giáo dục*.

Sukarno lập Câu Lạc Bộ Văn Hoá Bandung và Hatta lập Hội Giáo Dục Quốc Gia Nam Dương để nâng cao dân trí và chấn hưng dân khí. Hatta du học 10 năm từ Hà Lan và Sjahrir đã từng gia nhập Đế quốc Lao Đế quốc Hà Lan trong thời gian du học.

Năm 1942 Nhật chiếm đóng Nam Dương, Sukarno hợp tác với Nhật. Tháng 8, 1945 Nhật đưa hàng Đế quốc Minh, Sukarno tuyên bố Nam Dương được lập. Nhật gửi quân đến Hà Lan theo chân quân đến Anh sang giữa giữa quân đến Nhật, Sukarno chủ trương ngừng ngừng ngừng với Hoà Lan.

Trong những năm 1946 và 1948, Đảng Cộng Sản Nam Đông phát động chiến đấu vũ trang để phá thế ngợp. Thời gian này nước láng giềng Phi Luật Tân đã được độc lập. Tổng thống Truman và Tổng Liên Hiệp Quốc áp lực Hà Lan phải hòa đàm với chính phủ Sjahrir. Lúc này Hoa Kỳ đang thi kế hoạch Marshall để tái thiết Âu Châu thì họ ưu tiên nên tiếp xúc với Hoa Kỳ có thế lợi cho họ với Hà Lan. Hội Nghị Bàn Tròn La Haye được triệu tập để giải quyết tranh chấp Liên Hiệp Quốc. Tháng 12-1949, do Hiệp ước La Haye, Hà Lan thừa nhận chủ quyền độc lập của Nam Đông.

Staline thiết lập Đệ Quốc Xô Viết: ảnh hưởng đến Việt Nam.

Như vậy là từ 1946 đến 1949 tất cả các đế quốc Tây Phương như Mỹ, Pháp, Anh, Hà Lan đã bị lật đổ đi thì để lại thế để trở lại cho 12 thuộc địa Á Châu.

Trong khi đó tại Đông Âu, Staline thiết lập một đế quốc mới mang danh là Đệ Quốc Xô Viết bằng cách thôn tính 3 nước Baltic là Lituanie, Lettonie và Estonie. Sau đó, Liên Xô dùng "bức màn sắt" tại 7 nước Đông Âu là Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Albanie, Bulgarie, và Roumanie. Thế đó, *chỉn tranh lạnh hay chỉn tranh ý thức hệ bức phát giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ*.

Các nhà lãnh đạo phe Thế Giới Dân Chủ như Truman, Churchill và De Gaulle *nhất quyết không trao Đông Dông cho Đệ Quốc Cộng Sản Đông Dông vì họ không muốn Staline mở rộng bức màn sắt tại Đông Âu qua Đông Á.*

Riêng tại Việt Nam, De Gaulle cũng nhất quyết không trao Nam Kỳ cho Hồ Chí Minh vì Nguyễn Ái Quốc là cán bộ của Staline và Mao Trạch Đông tại Đông Nam Á.

Cũng vì vậy hồi tháng 12-1945 De Gaulle đã mời cựu hoàng Duy Tân tại đảo Réunion tại Paris thế ngợp. Nhờ ưu đãi lợi ích cho biệt De Gaulle đã chấp thuận trên nguyên tắc để Duy Tân và nước độc lập năm 1946. Trước đó, hai bên ký một hiệp ước công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dông và trong Liên Hiệp Pháp. Chính phủ Việt Nam sẽ được toàn quyền quản trị về mặt nội bộ.

Tuy nhiên vì lúc này Đäng Cäng Sän đã cäp chính quyän täi Miän Bäc, nên quân đäi Pháp còn phäi läi Viät Nam mät thäi gian väi tä cách là quân đäi Liän Hiäp Pháp đä giúp Viät Nam giäi quyät các vän đä an ninh quäc näi (näi loän) và an ninh quäc ngoäi (ngoäi xâm).

Theo quy chä cäa tä chä Liän Hiäp Pháp, giäa Pháp và Viät Nam có nghĩa vä an ninh hä täng.

Do đó quân đäi Pháp có nghĩa vä bäo vä biên cäng cäa Viät Nam, đäng thäi cũng là biên cäng cäa Liän Hiäp Pháp.

Rät tiäc là mùa Giáng Sinh 1945 Duy Tân đã tän máy bay trên sa mäc Trung Phi trên đäng tä Paris vä đäo Reunion thăm nhà. Nhiäu ngäng cho đây là vä phá hoäi. Nguyên nhân phi cä phát häa là vì "hät sáng". Đây là mät nguyên nhân hy häu vì không mät phi hành đoàn nào chäu cät cánh näu máy bay không chäa đä sáng nhät.

Viäc Duy Tân mät đi là mät đäi bät hänh cho Viät Nam cũng nhä cho Pháp. Vì näu đäu năm 1946 Duy Tân vä näc läp chính phä quäc gia giành läi tä trä, đäc läp và thäng nhät cho Viät Nam thì chiän tranh Viät Pháp sä có cä tránh đäc. Hä Chí Minh sä không còn đäc đäc quyän yêu näc và có lä chäng còn ai muän gia nhäp Đäng Cäng Sän näa (năm 1945 Đäng Cäng Sän chä có 5 ngàn đäng viên).

Lúc này Đäng Cäng Sän Pháp đã thông báo cho Staline và Hä Chí Minh biät räng De Gaulle đã có giäi i pháp quäc gia vä Viät Nam. Cũng vì väy, ngày 11-11-1945, Hä Chí Minh giä bä giäi tán Đäng Cäng Sän Đäng Däng. Räi väi vä thành läp mät chính phä liän hiäp quäc gia väi sä tham gia cäa Cách Mäng Đäng Minh Häi (väi Nguyễn Hữu Thọ) và Viät Nam Quäc Dân Đäng (väi Vũ Häng Khanh và Nguyễn Tấn Täng Tam) đä làm bình phong thäng nghä väi Pháp.

Ngày 6-3-1946 täi Hà Näi, nhân danh chính phä liän hiäp, Hä Chí Minh ký Hiäp äc Sä Bä Sainteny và chäp thuän mäi đäi u khäan mà De Gaulle đã thäa thuän väi Duy Tân: Viät Nam là mät näc tä do và tä trä trong Liän Bang Đäng Däng và trong Liän Hiäp Pháp. 15 ngàn quân Pháp đäc đän trú täi Bäc Kä trong thäi hän 5 năm.

Sau đó ngày 14-9-1946 täi Paris, Hä Chí Minh đã đän nhà riêng cäa Moutet đä xin ký Thäa äc Täm Thäi (Marius Moutet là đäng chí cũ träc khi Nguyễn Ái Quäc bä đäng Xã Häi đä gia nhäp Đäng Cäng Sän Pháp).

Tuy nhiên mặc dù lúc này De Gaulle đã từ nhiệm, các nhà lãnh đạo Thệ Giã Dân Chänh và nhät quyät không trao Đông Däng cho Đông Cäng Sän Đông Däng. Không còn hy vọng cäp chính quyän bäng ngoäi giao, Hä Chí Minh phát động chiến tranh vũ trang ngày 19-12-1946. Bäng hành động gây chiến này, Hä Chí Minh đã vi phạm Hiệp ước Sainteny và Thỏa ước Täm Thäi Moutet.

Do đó, 3 tháng sau, ngày 27-3-1947 Hội Đồng Chính Phủ Ramadier cùng Hội Đồng các Chính Phủ Pháp công bố Quyät Nghị và chính sách mới của Pháp tại Việt Nam, theo đó Pháp tán thành quyän và ngä chính đáng của nhân dân Việt Nam và đäc lập và thống nhät.

Điều đáng chú ý là lãnh tụ Cäng Sän Maurice Thorez và lãnh tụ Xã Hội Marius Moutet đã ký tên vào Quyät Nghị này cùng với Thủ Tướng Ramadier.

Ngoài ra cũng trong năm 1947 tại Liên Hiệp Quốc, Pháp đã chính thức đăng ký 3 näc Đông Däng (Việt Miän Lào) là nhäng quäc gia đäc lập.

Nhä vậy là từ năm 1947 Pháp đã công bố ý định trao trả đäc lập và thống nhät cho Việt Nam và đã đăng ký Việt Nam là mät quäc gia đäc lập tại Liên Hiệp Quốc. (Sä dĩ Việt Nam không đäc gia nhäp Liên Hiệp Quốc vì gäp sä phän kháng của Liên Xô hành sä quyän phä quyät.) Năm 1947, nhäu Hä Chí Minh là ngä i yêu näc, nhäu Nguyễn Ái Quốc là nhä ái quäc biät đät quyän lợi của quäc gia dân tộc lên trên quyän lợi của đäng phái, thì ông ta đã phäi lập tức ngäng chiến để cho phe quäc gia có điều kiện hòa đàm và ký kết với Pháp mät hiệp ước để giành lợi đäc lập và thống nhät cho Việt Nam.

Tuy nhiên Hä Chí Minh không phäi là ngä i yêu näc, Nguyễn Ái Quốc không phäi là nhä ái quäc nên ông ta vẫn tiếp tục đẩy lùi chiến tranh vũ trang để phá vỡ mäi gäi pháp đäc lập quäc gia. Mặc dù vậy các chính phủ Pháp kể tiếp vẫn trung thành với Quyät Nghị của Hội Đồng Chính Phủ và Chính Phủ Pháp năm 1947.

Ngày 7-12-1947 Cao Ủy Bollaert ký Hiệp ước Sainteny và Hiệp ước Träng Bäo Đäi, đä thäa nhän chä quyän đäc lập của Việt Nam. Hiệp ước Sainteny này đäc chính thức hóa bởi T

*ông Cáo Chung Về nh H Long
ngày 5-6-1948*

Ký kết giữa Cao ủy Bollaert và Tổng Ng Nguyễn Văn Xuân, Thủ Tổng Chính Phủ Quốc Gia Lâm
Thị, với sự bệ thế của Quốc Trưởng Bảo Đại. Theo Hiệp ước này Pháp long trọng thừa nhận
nhân dân ở phía Việt Nam và Việt Nam được quyền tự do tiến hành thực tế để thực hiện nh
thực nhứt quốc gia chủ quyền nguyên tắc dân tộc tự quyết.

Và ngày 8-3-1949 tại Điện Elysée (Paris) Tổng Thủ Pháp Vincent Auriol, nhân danh
Tổng Thủ Pháp Cộng Hòa Pháp và nhân danh Chủ Tổng Liên Hiệp Pháp, đã ký với Quốc Trưởng
Bảo Đại **Hiệp Định Elysée công nhận Việt Nam Thủ Ng Nhứt Và Độc Lập** trong Liên Hiệp
Pháp. (Quy chế Liên Bang Đông Dương đã bỏ bãi bỏ)

**Do Quyết Nghị ngày 23-4-1949 Quốc Hội Nam Kỳ đã giải tán chế độ Nam Kỳ tự trị và sát
nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam được lập và thực nhứt.**

Ngày 6-6-1949 Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hiệp Định Elysée và chính thức thừa nhận quốc gia
Việt Nam được lập và thực nhứt.

Chúng ta không nên có thành kiến cho rằng gia nhập Liên Hiệp Pháp là vi phạm chủ quyền
quốc gia. Vì các nước như Đan Mạch, Thụy Sĩ, Canada, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan v...v... cũng là nh
quốc gia được lập trong Liên Hiệp Anh.

Về mặt an ninh quốc phòng, nh năm 1949 Việt Nam không gia nhập Liên Hiệp Pháp thì quân
đội viễn chinh Pháp phải rút khỏi Việt Nam (nh tại Syrie và Liban năm 1946). Và chỉ trong một
vài tuần lễ (nh tại Nam Hàn năm 1950), phe Quốc Trưởng Cộng Sản sẽ nhuốm đẫm toàn thể bán
đảo Đông Dương.

Khách quan mà xét, năm 1949 được lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam.
Chúng ta có thể sẽ dùng các chuyên viên Pháp là nh ng ngườ am hiểu phong tục tập quán,
biết rõ dân tình nh của ta, để có nh ng kinh nghiệm và khai thác nông lâm súc, công khoáng

thng mli, xyt ctu cng, đng sá, sông ngòi, hi cng, c n đ o v...v... Ngoài ra h còn có th c vn chúng ta đ xây đng môt n n giáo đ c ph thông, m t n n hành chánh hi n đ i và m t n n t pháp đ c l p đ t n t i tam quy n phân l p và dân ch pháp tr .

V m t phát tri n, chúng ta có s n th trng Liên Hi p Pháp đ xut ctng các hàng hóa và các nông, lâm, khoáng s n v...v... Do đó, năm 1949, đ c l p trong Liên Hi p Pháp là g i pháp t i u cho Vi t Nam.

Nhng r i Đng Cng Sn đã đ a dân t c ta vào con đng chng gai ch t chóc trong su t 40 năm (t 1949 đ n 1989). Đ i h nh c a n Đ là có m t Gandhi theo ch nghĩa dân t c. Đ i b t h nh c a Vi t Nam là có m t Nguy n Ái Qu c theo ch nghĩa qu c t vô s n.

Tng k t l i, Chi n Tranh Đông Dng Th Nh t có th chia làm 3 giai đo n:

1) 1946-1947: chi n tranh vũ trang.

2) 1947-1949: hoà đàm và thng ngh .

3) 1949-1954: chi n tranh ý th c h gi a Qu c T Cng Sn và Th Gi i Dân Ch (nh Chi n Tranh Tri u Tiên). Vì t 1949 Vi t Nam đã giành đ c đ c l p nên chi n tranh không ph i đ gi i phóng dân t c, mà là m t phng ti n giúp Cng Sn c p chính quy n.

Ch t nh là phe Th Gi i Dân Ch đã đ c đ i di n b i Liên Hi p Pháp, m t t ch c sáng l p b i Cng Hòa Pháp là m t qu c gia b mang tng đã thôn tính Vi t Nam làm thu c đ a đ khai thác. H n n a năm 1946 Quân Đ i Pháp đ b H i Phòng v i t cách Quân Đ i Vi n Chinh. K t 1949 Quân Đ i Pháp chi n đ u đ i danh nghĩa Quân Đ i Liên Hi p Pháp t i Đông Dng đ b o v biên thù c a Vi t Nam. S thay đ i danh nghĩa là m t vn đ pháp lý t nh mà ng i dân khó có th nh n đ nh đ c.

HI P ĐÌNH ĐÌNH CHI N GENÈVE và HIỆP ĐÌNH HÒA BÌNH PARIS.

Chi n Tranh Đông D ng Th Nh t k t thúc b i Hi p Đ nh Đình Chi n Genève ngày 20-7-1954 (gi ng nh Hi p Đ nh Đình Chi n Bàn Môn Đi m ngày 27-7-1953 t i Tri u Tiên).

Hi p Đ nh Genève là m t hi p c thu n túy quân s có tác đ ng "đình chi n và n đ nh m t gi i tuy n quân s t m th i". T i vùng gi i tuy n thu c quy n ki m soát c a quân đ i bên nào thì chính quy n bên y ph trách vi c qu n tr hành chánh.

Vì là m t hi p c quân s , Hi p Đ nh Genève ch mang ch ký c a 2 t ng lãnh đ i di n Quân Đ i B c Vi t (là Thi u T ng T Quang B u) và đ i di n Quân Đ i Liên Hi p Pháp t i Đông D ng (là Thi u T ng Henri Delteil).

Vì không tham chi n i Vi t Nam nên Hoa K không ký vào Hi p Đ nh Genève.

Qu c gia Vi t Nam cũng không ký. Chi u Hi p Đ nh Elysée 1949, Vi t Nam là m t h i viên liên k t c a Liên Hi p Pháp. Khi có chi n tranh, quân đ i Vi t Nam và quân đ i Pháp s cùng chi n đ u d i danh nghĩa quân đ i Liên Hi p Pháp. M t B Tham M u H n H p đ c thành l p v i m t t ng lãnh Pháp làm t l nh hành quân và m t t ng lãnh Vi t Nam làm tham m u tr ng. Vì Hi p Đ nh Genève là m t hi p c thu n túy quân s , nên v phía Liên Hi p Pháp ch c n có ch ký c a v t l nh hành quân Henri Delteil là đ .

Ngày hôm sau, 21-7-1954, m t B n Tuyên Ngôn Sau Cùng khuy n cáo hai mi n Nam B c t ch c t ng tuy n c năm 1956. Tuy nhiên tuyên ngôn không ph i là hi p c

. Vì đây

ch là b n Tuyên Ngôn Ý Đ nh (*declaration d'intention*

)

không mang ch

ký

c a b t c phái đoàn nào (k c B c Vi t) nên không có giá tr pháp lý

(Cũng nh các b n Tuyên Ngôn Đ c L p c a B o Đ i ngày 11-3-1945, c a H Chí Minh ngày 2-9-1945 và c a Sukarno ngày 17-8-1945).

V&#i cũng trong ngày 21-7-1954, ngo&#i tr&#ng Qu&#c Gia Vi&#t Nam Tr&#n Văn Đ& và tr&#ng phái đoàn Hoa K& Bedell Smith đã ra tuyên cáo *minh th& ph&#n kháng s&#* áp đ&#t các gi&#i pháp chính tr&# trong m&#t hi&#p &#c quân s&#, mà không có s&# th&#a thu&#n c&#a phái đoàn Qu&#c Gia Vi&#t Nam. (7)

Hi&#p Đ&#nh Đ&#nh Chi&#n Genève, theo danh x&#ng, ch&# là m&#t b&#n hi&#p &#c thu&#n tuý quân s&# đ&# đ&#nh *ranh gi&#i ng&#ng b&#n* theo m&#t gi&#i tuy&#n (*vĩ tuy&#n 38 đ&#i Tr&#u Tiên, vĩ tuy&#n 17 đ&#i Vi&#t Nam*). Nó không áp đ&#t nh&#ng gi&#i pháp chính tr&#. V&#n đ&# th&#ng nh&#t Nam B&#c là m&#t v&#n đ&# chính tr&# thu&#c quy&#n dân t&#c t&# quy&#t s&# do hai qu&#c gia &#n đ&#nh sau này (nh&# tr&#ng h&#p Tr&#u Tiên: sau h&#n 50 năm v&#n ch&#a có gi&#i pháp chính tr&#).
Do đó Vi&#t Nam C&#ng Hoà không vi ph&#m Hi&#p Đ&#nh Genève khi kh&#c đ&# đ&#ng tuy&#n c&# năm 1956. (8)
□

Hi&#p Đ&#nh Hòa Bình Paris 1973 trái đ&#i, là m&#t h&#p &#c ngo&#i giao và có tác đ&#ng chính tr&#. Tr&#c h&#t v&# m&#t nghi th&#c nó mang ch&# ký c&#a các đ&#i bi&#u các qu&#c gia hay chính ph&# k&#t &#c:

Tr&#n Văn L&#m, ngo&#i tr&#ng Vi&#t Nam C&#ng Hoà

Williams Roger, ngo&#i tr&#ng Hoa K& □□□□□□□□□□

Nguyễn Duy Trinh, ngo&#i tr&#ng Vi&#t Nam Dân Ch&# C&#ng Hoà và

Nguyễn Th&# Bình, ngo&#i tr&#ng C&#ng Hoà Mi&#n Nam Vi&#t Nam

*Điều 15 Hiệp định Hòa bình Paris quy định rằng "vì các thành phần Việt Nam sẽ được các thành phần
trên bàn đàm phán pháp hòa bình trên căn bản thống nhất và thỏa thuận giữa Miền Bắc
và Miền Nam, không bên nào có thể ép bên nào, không bên nào thôn tính bên nào. Thời gian
thành phần sẽ do Miền Bắc và Miền Nam thỏa thuận" (theo nguyên tắc nhất trí) (9)*

Vậy mà hai năm sau, năm 1975, khi chß ký cßa hß còn chßa ráo mßc, Bßc Vißt phát đßng chißn
tranh vũ trang đß thôn tính Mißn Nam. Hßi trßng đß nhßng chß cho chißn trßng, thßng nghß
thßa thußn đß bß bßo lßc cßng chß, và phßng pháp hòa bình đß bß chißn tranh vũ trang xoá
bß.

Đây là mßt vi phßm thô bßo Hißp Đßnh Paris. Lußt pháp văn minh cßa loài ngßi đß bß thay thß
bßi lußt rßng xanh.

KẾT LUẬN:

Nói tóm lại:

1) Phßnh nß chß nghĩa dân tộc, Đßng Cßng Sßn đß phßm sai lßm chißn lßc khi liên kßt vßi
Qußc Tß Cßng Sßn đß đßu tranh bßo đßng vũ trang khißn dân
tßc ta phßi hy sinh xßng máu dòng đß trong 40 năm.

2) Đßng Cßng Sßn không có công giành đßc lßp năm 1954 vì Vißt Nam đß đßc đßc lßp tß 1949
chißu Hißp Đßnh Elysée. Hßn nßa, Vißt Nam đß đßc đßng ký tßi Lißn Hißp Qußc là mßt
qußc gia đßc lßp tß 1947.

3) Đßng Cßng Sßn không có công thống nhất đßt nßc năm 1975 vì Vißt Nam đß đßc thßng
nhất năm 1949 khi Qußc Hßi Nam Kß bißu quyßt gißi tán chß đß Nam Kß tß trß đß sát nhßp
Nam Phßn vào lãnh thß Qußc Gia Vißt Nam đßc lßp và thßng nhßt.

4) Trên bình diện dân tộc 3 cuộc Chiến tranh Đông Dông là những cuộc chiến tranh vô ích, vô lý và vô nghĩa.

5) Vì vậy Đông Cộng Sản không có tư cách và không có tính chính thống để được quy định lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau . Và chính CS phải được giải thể để cho người dân được quy định mọi chủ trương phúc trong mặt chính Đảng Nhân Pháp Tr, trong đó các dân quy định và nhân quy định tồn tại, kinh tế quốc gia được phát triển và công bằng xã hội được thực thi.

L.s Nguyễn Hữu Thọ ng

Trích sách "Giới Thiệu Về Đông Cộng Sản", 2002)

CHÚ THÍCH 1) Hai nước còn lại là Mã Lai và Tân Gia Ba trong Liên Bang Mã Lai Á. Năm 1948 Đông Cộng Sản Mã Lai lập chính phủ khu chính phủ vũ trang. Để đáp lại lời, chính phủ Anh ban hành tình trạng khẩn cấp quân luật. Từ năm 1952 Đông Cộng Sản Mã Lai đưa ra chủ trương "độc lập do hợp tác chính trị" kết hợp các sắc dân Mã Lai, Trung Hoa và người Hindi. LS Abdul Rahman đã từng làm phó chủ tịch tại Anh. Abdul Razah phục vụ trong quân đội Hoàng Gia Anh tại Thái Lan và Thái Lan. Sau 5 năm tại Thái, Mã Lai được độc lập năm 1957.

Năm 1959 dân tại Tân Gia Ba được giải phóng do chủ trương "độc lập như liên lập" (với Mã Lai trong Liên Bang Mã Lai Á). Luật Sĩ Lý Quang Diệu đã từng gia nhập Luật Sĩ Đoàn Luân Đôn và Đông Cộng Sản Anh trong thời gian du học

Năm 1989, khi hòa bình Đông Dông vẫn chưa, dân số tại 3 nước Đông Dông là 61 triệu và tại 11 nước thuộc địa Á Châu khác là 1 tỷ 40 triệu.

2) Năm 1930 danh xưng "Đông Cộng Sản Việt Nam" đã bị Quốc Tế Cộng Sản bác bỏ và thay bằng danh xưng "Đông Cộng Sản Đông Dông"

3) Nguyễn Kh&c Ng& : B&o Đ&i, các Đ&ng Phái Qu&c Giav&s& thành l&p Chính Quy&n Qu&c Gia.

4) *Everyone's United Nations*, &n b&n năm 1986, trang 332.

5) Nguyễn Kh&c Ng&, s&d.

6) T& Truy&n Gandhi: Trí H&i. Cũng nh& t&i n& Đ&, phe&& th&c dân h& c&p t&i Đông D&&ng g&m 20 ngàn ng&&i da tr&ng. && & B&n
này ch&ng t&i c& ng&&i V&t yêu n&&c và ng&&i Pháp dân ch&.

7) Th& Nguyễn: Đông D&&ng 1945-1973.

8) Đ& c&p đ&n t&ng tuy&n c& t&i m&t n&&c C&ng S&n ch& là chuy&n khô& hài. Trong h&n 50 năm
t&i B&c V&t có bao g&&ng && & công
dân đ&&c hành s& quy&n t& do&ng c& và t& do b&u c&?

9) Th& Nguyễn, s&d.